TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**
Số: 105/2019/QĐST- HNGĐ	*Yên Khánh, ngày 25 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số: 151/2019/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị G.

Địa chỉ: Thôn 19, xã E, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

NĐKHKTT: Xóm 4, xã C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn : Anh Trịnh Minh X.

Địa chỉ: Xóm 4, xã C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào các điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Mai Thị G và anh Trịnh Minh X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con: Giao cháu Trịnh Mai Khánh D, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2010 cho chị Mai Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh Trịnh Minh X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị G và không ai được cản trở việc thăm nom con chung.

Chị Mai Thị G và anh Trịnh Minh X không có con riêng nên anh, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

2.2. Về tài sản: Chị Mai Thị G và anh Trịnh Minh X không có tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Mai Thị G nộp 150.000đ(*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ(Ba trăm ngìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2013/0002126 ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.Trả lại cho chị Mai Thị G số tiền 150.000đ(Một trăm năm mươi ngìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

<u>Nơi gửi</u> :
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- THA DS huyện Yên Khánh.
- UBND xã C.
- Đương sự
- Lưuhồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phan Hữu Ý